

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập- Tự do- Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 26 tháng 10 năm 2026

[illegible]

Vĩnh Sơn 4	Mức nước (H, m)									
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)									
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)									
Vĩnh Sơn 5	Mức nước (H, m)	153.60	154.20		153.60	153.55	153.85	154.30	154.55	154.60
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	10.00	25.00		10.00	9.94	9.73	9.45	9.12	8.76
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)					9.94	5.73	5.45	8.12	8.76
Trà Xom 1	Mức nước (H, m)	654.19	654.20	654.22	654.23	654.20	654.20	654.20	654.20	654.20
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)	0.10	2.36	1.78	0.00	0.06	0.05	0.05	0.04	0.03
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Định Bình	Mức nước (H, m)				75.46	75.47	75.48	75.49	75.50	75.51
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				16.44	16.96	12.41	11.65	13.75	13.76
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				9.50	9.50	9.50	9.50	9.50	9.50
Núi Một	Mức nước (H, m)				38.50	38.50	38.50	38.50	38.50	38.50
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.70	0.71	0.70	0.68	0.66	0.63
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.00	0.00	0.00	0.00	0.00	0.00
Thuận Ninh	Mức nước (H, m)				61.91	61.90	61.90	61.90	61.90	61.90
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				0.47	0.46	0.45	0.43	0.41	0.38
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				0.20	0.20	0.20	0.20	0.20	0.20
Văn Phong	Mức nước (H, m)				24.48	24.40	24.40	24.35	24.35	24.30
	Lưu lượng đến (Q,m ³ /s)				11.58	10.17	9.88	9.48	9.02	8.52
	Lưu lượng xả (Q,m ³ /s)				12.60	12.60	12.60	12.60	12.60	12.60

II - Hiện trạng công trình

1) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn A tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 766.48 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.16 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

2) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn B tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 815.55 m

- Lưu lượng đến hồ: 0.14 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

3) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn C tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 971.57 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.97 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

4) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 4 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: m
- Lưu lượng đến hồ: m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

5) Hồ chứa thủy điện Vĩnh Sơn 5 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 153.60 m
- Lưu lượng đến hồ: 10.00 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

6) Hồ chứa thủy điện Trà Xom 1 tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 654.23 m
- Lưu lượng đến hồ: 0.00 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

7) Hồ chứa thủy điện Định Bình tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước: 75.46 m
- Lưu lượng đến hồ: 16.44 m³/s
- Số cửa xả đáy đang mở: cửa
- Số tràn xả mặt đang mở: cửa

8) Hồ chứa thủy điện Núi Một tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	38.50	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.70	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

9) Hồ chứa thủy điện Thuận Ninh tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	61.91	m
- Lưu lượng đến hồ:	0.47	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa

10) Hồ chứa thủy điện Văn Phong tại thời điểm phát bản tin

- Mức nước:	24.48	m
- Lưu lượng đến hồ:	11.58	m ³ /s
- Số cửa xả đáy đang mở:		cửa
- Số tràn xả mặt đang mở:		cửa